

Số: **1941** /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày **21** tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 631/QĐ-BNV ngày 28/7/2015 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-BNV ngày 11/8/2015 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BNV ngày 07/7/2017 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-BNV, ngày 31/01/2018 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 9/3/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-BNV ngày 12/7/2019 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-SNV ngày 15/01/2020 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế lĩnh vực

chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1364/TTr-SNV ngày 30/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 133 thủ tục hành chính (bao gồm: 81 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 37 thủ tục hành chính cấp huyện, 15 thủ tục hành chính cấp xã) thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam trên 09 lĩnh vực: Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; Công chức, viên chức; Quản lý nhà nước quĩ xã hội, quĩ từ thiện; Quản lý nhà nước về hội; Chính quyền địa phương; Quản lý nhà nước về công tác thanh niên; Quản lý nhà nước về Văn thư - Lưu trữ; Quản lý nhà nước về Tôn giáo; Quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng.

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qtpl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh đầy đủ, chính xác nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin & Truyền thông (kèm bản mềm đến địa chỉ email: thaonv@quangnam.gov.vn và binhtt@quangnam.gov.vn), Trung tâm Hành chính công tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ khi Quyết định này có hiệu lực để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn và đơn vị trực thuộc công khai, đồng bộ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của địa phương.

- Niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã tại Bộ phận Một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 và Quyết định số

971/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh (niêm yết);
- Trung tâm QTI (dăng tải Cổng TTĐT tỉnh);
- CPVP, các Phòng HCTC, NC;
- Lưu: VT, KSTTHC (Thảo).

C:\Users\Admin\OneDrive\Nam 2020\Công bố TTTH\Bố Nôi vụ\Thang TQĐ_Danh mục_2019_Moba.docx

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1941 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|---|--|--|-------------|--|
| I | Lĩnh vực tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập | | | | |
| 1 | Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập | 10 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập |
| 2 | Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập | 10 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 3 | Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | 15 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| II | Lĩnh vực quản lý nhà nước quỹ xã hội, quỹ từ thiện | | | | |
| 1 | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ | 20 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện |
| 2 | Thủ tục quỹ tự giải thể | 15 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày |
| 3 | Thủ tục đổi tên quỹ cấp tỉnh | 08 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|------------|--|--|--|--------------------|---|
| 4 | Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ | 15 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. |
| 5 | Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động | 15 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 6 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ | 15 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 7 | Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ | 20 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 8 | Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ | 15 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 9 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| III | Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội | | | | |
| 1 | Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện cấp tỉnh | 07 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Nghị định số 45/2010/NĐ- CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội - Nghị định số 33/2012/NĐ- CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một |
| 2 | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 3 | Thủ tục hội tự giải thể | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|-------------|---|
| | | | Cáp, Tp. Tam Kỳ) | | số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội |
| 4 | Thủ tục đổi tên hội | 10 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP |
| 5 | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội | 15 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP |
| 6 | Thủ tục Phê duyệt Điều lệ hội | 10 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 7 | Thủ tục thành lập hội | 20 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 8 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội | 10 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|---|---|--|-------------|---|
| | | | | | 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP |
| IV | Lĩnh vực chính quyền địa phương | | | | |
| 1 | Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã | 10 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính |
| 2 | Thủ tục hành chính thành lập thôn mới, tổ dân phố mới | Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ đầy đủ hợp pháp của UBND huyện | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. - Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 3/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. |
| V | Lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên | | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|-------------|---|
| 1 | Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | 15 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong - Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ Nội vụ quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu (Điều 4 Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 11) |
| 2 | Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | 07 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong |
| 3 | Thủ thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | 07 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|--|--|--|--|
| | | | | | tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong (Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9) |
| VI | Lĩnh vực quản lý nhà nước về Văn thư - Lưu trữ | | | | |
| 1 | Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ | 0,5 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Thực hiện theo Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011 - Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ - Thông tư số 10/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định về việc sử dụng tài liệu tại Phòng đọc của các Lưu trữ lịch sử |
| 2 | Thủ tục cấp, cấp lại, bổ sung lĩnh vực hành nghề của Chứng chỉ hành nghề lưu trữ | 05 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011 - Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ - Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|------------|---|--|--|---|---|
| | | | | | ly Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ |
| 3 | Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Thực hiện theo Thông tư số 30/2004/TT-BTC ngày 07/4/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ. | Thông tư số 10/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định về việc sử dụng tài liệu tại Phòng đọc của các Lưu trữ lịch sử: |
| VII | Lĩnh vực quản lý nhà nước về Tôn giáo | | | | |
| 1 | Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 60 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016 - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn |
| 2 | Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 60 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 3 | Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 60 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 4 | Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ | 60 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|-------------|--|
| | chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | | Cáp, Tp. Tam Kỳ) | | giáo. |
| 5 | Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương | 45 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 6 | Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức | 45 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 7 | Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 8 | Thủ tục đăng ký chuyên chức sắc, chức việc nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 9 | Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016 - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| 10 | Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 11 | Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--|-------------|---|
| | chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh | | | | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016 - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi |
| 12 | Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 13 | Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 14 | Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 15 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 16 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 17 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh | 30 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|-------------|---|
| | | | | | hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| 18 | Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | 20 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 19 | Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 20 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 20 | Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 21 | Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của Hiến chương của tổ chức | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 22 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 23 | Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý | Không | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016 |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--|-------------|---|
| | chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | | Cáp, Tp. Tam Kỳ) | | - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| 24 | Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 25 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 26 | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 27 | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 28 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|-------------|--|
| | bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | | | | CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| 29 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 30 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 31 | Thủ tục thông báo tuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 32 | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 33 | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được | 01 | Trung tâm HCC tỉnh | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|-------------|---|
| | cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | | (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016 |
| 34 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| 35 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh | 01 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-------------|---|--|--|-------------|--|
| | | | | | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016 - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| XIII | Lĩnh vực thi đua, khen thưởng | | | | |
| 1 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 2 | Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 3 | Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 4 | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Luật thi đua, khen thưởng ngày |
| 5 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | 26/11/2003 - Luật sửa đổi, bổ sung một |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|---|--|--|----------------------------------|--|
| | Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề | | Cấp, Tp. Tam Kỳ) | | số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 |
| 6 | Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng |
| 7 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | - Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng và Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh. |
| 8 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| 9 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại | 25 | Trung tâm HCC tỉnh (Số 159B, Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ) | Không | |
| IX | Lĩnh vực Công chức, viên chức | | | | |
| 1 | Thủ tục thi tuyển công chức | - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự | Sở Nội vụ (số 268 Trung Nữ Vương, | 1. Mức thu phí: -Dưới 100 thí | - Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|---------------------------------|---|---|
| | | <p>tuyên của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức.</p> <p>- Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải lập danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan.</p> <p>- Trường hợp tổ chức thi vòng 1 trên giấy:</p> | Tp Tam Kỳ) | <p>sinh: 500.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 400.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 500 thí sinh trở lên: 300.000 đồng/thí sinh/lần; 2. Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.</p> | <p>13/11/2008 của Quốc hội (Luật cán bộ, công chức năm 2008); - Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; - Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ;</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|---------------------------------|-------------|---|
| | | <p>+ Chậm nhất là 15 ngày sau ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;</p> <p>+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả điểm thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả điểm thi trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức; Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và</p> | | | <p>- Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;</p> <p>- Thông tư số 03/2015/TT-BNV ngày 10/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|--|
| | | <p>công bố kết quả chấm phúc khảo đề thi sinh dự thi được biết.</p> <p>+ Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng không quá 15 ngày.</p> <p>- Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 theo quy định, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phải thông báo triệu tập thí sinh dự thi vòng 2.</p> <p>- Chậm nhất là 15</p> | | | <p>13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.</p> <p>- Thời hạn chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức kết quả thi tuyển để xem xét, quyết định công nhận kết quả.</p> <p>- Thời hạn chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng hoặc của bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ trong trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng, cơ quan</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải niêm yết công khai kết quả thi tuyển, danh sách dự kiến người trúng tuyển tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức; gửi thông báo kết quả thi tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả trong trường hợp thi vòng 2 bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan có thẩm</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>quyền tuyển dụng công chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của cơ quan quản lý công chức, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>công nhận kết quả trúng tuyển của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ dự tuyển. Hồ sơ dự tuyển phải được bổ sung để hoàn thiện trước khi ký quyết định tuyển dụng.</p> <p>- Thời hạn xin gia hạn hoàn thiện hồ sơ nếu có lý do chính đáng, không quá 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ dự tuyển theo quy định; - Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định, trong thời hạn 15 ngày, người đứng</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|-----------------------------|--|--|--|----------------|
| | | đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải ra quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển. | | | |
| 2 | Thủ tục xét tuyển công chức | <p>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức.</p> <p>- Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức xét tuyển, cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải lập danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết</p> | Sở Nội vụ (số 268 Trưng Nữ Vương, Tp Tam Kỳ) | <p>1. Mức thu phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh: 500.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 400.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 500 thí sinh trở lên: 300.000 đồng/thí sinh/lần; <p>2. Phức khảo: 150.000 đồng/bài thi.</p> | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phải thông báo triệu tập thí sinh dự phỏng vấn vòng 2. - Thời hạn chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức phỏng vấn vòng 2. - Thời hạn chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, Hội đồng tuyển dụng phải báo | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức kết quả xét tuyển để xem xét, quyết định công nhận kết quả.</p> <p>- Thời hạn chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng hoặc của bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ trong trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng, cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải niêm yết công khai kết quả xét tuyển, danh sách dự kiến người trúng tuyển tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>dụng công chức; gửi thông báo kết quả xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả trong trường hợp thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>nhận đơn phúc khảo. -Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của cơ quan quản lý công chức, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo công nhận kết quả trúng tuyển của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|----------------|
| | | <p>thiện hồ sơ dự tuyển. Hồ sơ dự tuyển phải được bổ sung để hoàn thiện trước khi ký quyết định tuyển dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn xin gia hạn hoàn thiện hồ sơ nếu có lý do chính đáng, không quá 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ dự tuyển theo quy định. - Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định, trong thời hạn 15 ngày, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải ra quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển. | | | |
| 3 | Thủ tục thi nâng ngạch công chức | - Chậm nhất là 15 ngày sau ngày kết | Sở Nội vụ (số 268 Trưng Nữ Vương, | 1. Phí dự thi nâng ngạch chuyên | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|---|----------------|
| | | <p>thức thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;</p> <p>- Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả điểm thi để công chức dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả điểm thi trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức;</p> <p>- Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả</p> | Tp Tam Kỳ) | <p>viên cao cấp và tương đương:</p> <p>- Dưới 50 thí sinh: 1.400.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>- Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>- Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000 đồng/thí sinh/lần.</p> <p>2. Phí dự thi nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương:</p> <p>- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần.</p> <p>3. Phúc khảo:</p> | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|------------------------|----------------|
| | | <p>chậm phúc khảo đề công chức dự thi được biết.</p> <p>- Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức phải thông báo triệu tập công chức được dự thi vòng 2.</p> <p>- Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được dự thi vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi vòng 2, Hội đồng thi nâng ngạch công chức phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền</p> | | 150.000 đồng/ bài thi. | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>tổ chức thi nâng ngạch công chức về kết quả chấm thi và gửi thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý công chức về điểm thi của công chức dự thi nâng ngạch để thông báo cho công chức dự thi được biết.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có thông báo điểm thi, công chức có quyền gửi đề nghị phúc khảo kết quả bài thi gửi Hội đồng thi nâng ngạch công chức. Hội đồng thi nâng ngạch công chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>phúc khảo.</p> <p>- Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ thi của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức, Hội đồng thi nâng ngạch công chức có trách nhiệm thông báo kết quả thi và danh sách công chức trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan quản lý công chức có công chức tham dự kỳ thi.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được danh sách người trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức ra quyết định bổ nhiệm ngạch</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|--|-------------|--|
| | | và xếp lương cho công chức trúng tuyển theo quy định. | | | |
| 4 | Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức | - Tổ chức thực hiện theo Kế hoạch. | Sở Nội vụ (số 268 Trung Nữ Vương, Tp Tam Kỳ) | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Cán bộ, công chức năm 2008; - Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; - Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31/8/2010 của Chính phủ Sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức - Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|---|
| | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT- |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|---|
| | | | | | <p>BNV ngày 9/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức</p> <p>- Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>- Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--|-------------|--|
| | | | | | <p>khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp nhà nước.</p> <p>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</p> |
| 5 | Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên | <p>- Tổ chức thực hiện theo Kế hoạch.</p> <p>- Thời gian giải quyết trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả phê duyệt của UBND tỉnh.</p> | Sở Nội vụ (số 268 Trưng Nữ Vương, Tp Tam Kỳ) | Không | <p>- Luật Cán bộ, công chức năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;</p> <p>- Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31/8/2010 của Chính phủ Sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|---|
| | | | | | <p>của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|--|
| | | | | | <p>Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; - Thông tư số 03/2015/TT-BNV ngày 10/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|-----------------------------|--|---|--|--|
| | | | | | sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; |
| 6 | Thủ tục thi tuyển viên chức | <p>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức.</p> <p>- Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải lập danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết</p> | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | <p>1. Mức thu phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh: 500.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 400.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 500 thí sinh trở lên: 300.000 đồng/thí sinh/lần; <p>2. Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật viên chức năm 2010; - Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|--|
| | | <p>công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển tối thiểu là 05 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất là 15 ngày sau ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1; - Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả điểm thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả điểm thi trên công thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền | | | <p>hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. - Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy định về quản lý viên chức, lao |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|---|
| | | <p>tuyên dụng viên chức;</p> <p>- Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.</p> <p>- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng không quá 15 ngày. -</p> <p>Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau</p> | | | <p>động hợp động trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức Hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng phải thông báo triệu tập thí sinh dự thi vòng 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức thi vòng 2 - Chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải niêm yết công khai kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển, danh sách dự kiến người trúng tuyển tại trụ sở làm việc và trên | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|----------------|
| | | <p>trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức; gửi thông báo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi vòng 2 bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|-----------------------------|--|---|---|--|
| | | chậm phức khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phức khảo theo quy định. | | | |
| 7 | Thủ tục xét tuyển viên chức | <p>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức.</p> <p>- Thời hạn lập danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển tối thiểu là 05 ngày làm việc.</p> | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | <p>. Mức thu phí:</p> <p>-Dưới 100 thí sinh: 500.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 400.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>- Từ 500 thí sinh trở lên: 300.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>2. Phức khảo: 150.000 đồng/bài thi.</p> | <p>- Luật viên chức năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</p> <p>- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>- Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2. - Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2. - Chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải niêm yết công khai | | | <ul style="list-style-type: none"> đối với viên chức; - Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. - Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy định về quản lý viên chức, lao động hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức Hội thuộc Ủy ban nhân |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|------------------------------------|-------------|---------------------|
| | | <p>kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển, danh sách dự kiến người trúng tuyển tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức; gửi thông báo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này bằng hình thức</p> | | | dân tỉnh Quảng Nam. |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--------------------------------------|---|---|-------------|---|
| | | thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này | | | |
| 8 | Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức | (Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 15/2012/TT-BNV) - Người đứng đầu, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có văn bản đề nghị người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức công nhận kết quả xét tuyển đặc cách. Văn bản đề nghị do | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Không | - Luật viên chức năm 2010; - Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|---------------------------------|-------------|---|
| | | <p>người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ký, trong đó nêu rõ vị trí việc làm cần tuyển dụng và kèm theo biên bản họp Hội đồng kiểm tra, sát hạch và hồ sơ của từng trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc cách. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thẩm định và phải có văn bản trả lời; nếu quá thời hạn quy định mà chưa có văn bản trả lời thì</p> | | | <p>nghiệp công lập; - Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; - Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|---|---|---|
| | | <p>coi như đồng ý. Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức phải có văn bản đề nghị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức bổ sung, hoàn thiện đủ hồ sơ theo quy định.</p> | | | <p>- Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy định về quản lý viên chức, lao động hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức Hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.</p> |
| 9 | Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | <p>Trước ngày thi hoặc xét thăng hạng ít nhất 15 ngày, Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng gửi thông báo triệu tập thí sinh dự thi hoặc xét, thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập (nếu có) và địa điểm tổ chức thi hoặc xét</p> | <p>Sở Nội vụ (số 268 Trưng Nữ Vương, Tp Tam Kỳ)</p> | <p>Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I: - Dưới 50 thí sinh: 1.400.000đồng/thí sinh/lần; - Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000</p> | <p>- Luật viên chức năm 2010; - Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|---|---|
| | | <p>cho các thí sinh có đủ điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng.</p> <p>- Trước ngày thi 01 ngày, Hội đồng thi niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng thi hoặc xét, sơ đồ vị trí các phòng thi hoặc xét, nội quy, hình thức, thời gian thi hoặc xét thăng hạng.</p> | | <p>đồng/thí sinh/lần; 2. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III: - Dưới 100 thí sinh: 700.000đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần; 3. Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.</p> | <p>chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; - Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyên</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|------------------------------------|-------------|---|
| | | | | | dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| I | Lĩnh vực tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập | | | | |
|----|---|----|---|-------|--|
| 1 | Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập | 15 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập |
| 2 | Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập | 15 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 3 | Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | 15 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| II | Lĩnh vực quản lý nhà nước quỹ xã hội, quỹ từ thiện | | | | |
| 1 | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ cấp huyện | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 2 | Thủ tục quỹ tự giải thể | 15 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | |
|------------|--|--|---|-------------|--|--|
| 3 | Thủ tục đổi tên quỹ cấp huyện | 15 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | <p>- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>- Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> | |
| 4 | Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ cấp huyện | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | | |
| 5 | Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động | 15 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | | |
| 6 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ | 15 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | | |
| 7 | Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | | |
| 8 | Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ | 15 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | | |
| 9 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ | 40 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | | |
| III | Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội | | | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|---|-------------|--|
| 1 | Thủ tục thành lập hội cấp huyện | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | <p>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội</p> <p>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP</p> |
| 2 | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 3 | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 4 | Thủ tục đổi tên hội | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 5 | Thủ tục hội tự giải thể | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 6 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội | 30 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 7 | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cấp huyện | 25 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 8 | Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|---|---|-------------|---|
| 9 | Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| IV | Lĩnh vực Tôn giáo | | | | |
| 1 | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo | Ngay sau khi Phòng Nội vụ cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ. | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 18/11/2016 - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| 2 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện | Ngay sau khi Phòng Nội vụ cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ. | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 3 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện | Ngay sau khi Phòng Nội vụ cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ. | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 4 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện | Ngay sau khi Phòng Nội vụ cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ. | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 5 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện | 25 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|---|--|---|--------------------|---|
| 6 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện | 25 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| 7 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện | 25 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 8 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | Ngay sau khi Phòng Nội vụ cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| V | Lĩnh vực Thi đua-Khen thưởng | | | | |
| 1 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | - Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003 |
| 2 | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 |
| 3 | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm nộp hồ sơ và thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|--|---|--------------------|--|
| 4 | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | <p>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng</p> <p>- Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng và Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh</p> |
| 5 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 6 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 7 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại | 20 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |
| 8 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình | 10 | UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện) | Không | |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

| I | Lĩnh vực Tôn giáo | | | | |
|----------|--|--|-----------------------------|-------|--|
| 1 | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng | 15 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | <p>- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 18/11/2016</p> <p>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo</p> |
| 2 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng | 15 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | |
| 3 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung | 20 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | |
| 4 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | |
| 5 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | |
| 6 | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung | 15 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | |
| 7 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã | 15 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | |
| 8 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác | 20 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | <p>- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 18/11/2016</p> <p>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết</p> |
| 9 | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo | Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | |

| | | | | | |
|-----------|--|--|-----------------------------|-------|--|
| | tập trung | nhận được văn bản thông báo hợp lệ | | | một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo |
| 10 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | |
| II | Lĩnh vực Thi đua-Khen thưởng | | | | |
| 1 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị | 20 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | - Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003 |
| 2 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề | 20 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 |
| 3 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất | 20 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 |
| 4 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình | 20 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng |
| 5 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến | 10 | Bộ phận Một cửa UBND cấp xã | Không | - Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng và Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh |
|--|--|--|--|--|--|